TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 59/2023/HS-PT
Ngày 30 - 8 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.

Các Thẩm phán: Ông Trương Đình Nghệ, ông Hồ Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Triệu và bà Trương Thuận Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Quách Văn M, Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2023/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Quách Văn M (tên gọi khác: Không), sinh năm 1972, tại Hậu Giang. Nơi cư trú: Số E, đường T, khu V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Dược học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn M1 và bà Lê Thị T1; có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 07/11/2021 đến ngày 05/04/2022 được tại ngoại. (Có mặt)

2. Bùi Văn H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1988, tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T2 và bà Nguyễn Thị N1; có vợ Dương Thị Thúy A và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/6/2019 bị Công an thị xã L, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi

đánh bạc với số tiền 2.000.000 đồng; bị bắt, tạm giam ngày 06/11/2021 đến ngày 28/01/2022 được tại ngoại. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H:*

Ông Nguyễn Văn T3 - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)

3. Bùi Văn K (tên gọi khác: Không), sinh năm 1977, tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị C; có vợ Hồ Thị Mộng K1 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Đánh bạc", phạt bổ sung 10.000.000 đồng, đã chấp hành xong án phạt tù; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn K:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Y1 - Luật sư của Chi nhánh Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Thành Vĩnh T4 - Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)

4. Võ Hải T (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1979, tại N, Sóc Trăng. Nơi cư trú: Khóm C, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn L1 và bà Lâm Thị H1; có vợ Nguyễn Thị Thu H2 và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Đánh bạc", phạt bổ sung 10.000.000 đồng, đang chấp hành án phạt tù; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Hải T:*

Ông Nguyễn Thành Vĩnh T4 - Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)

5. Nguyễn Ngọc Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26/10/1979, tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Nguyễn Thị T5; có vợ Bùi Thị N2 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Đánh bạc", phạt bổ sung 10.000.000 đồng, đã chấp hành xong án phạt tù; bị

bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ:*

Ông Nguyễn Thành Vĩnh T4 - Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)

6. Phan Văn L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1979, tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp L, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T6 và bà Ngô Thị Đ1; có vợ Võ Thị N3 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Đánh bạc", phạt bổ sung 10.000.000 đồng, đã chấp hành xong án phạt tù; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn L:*

Ông Nguyễn Thành Vĩnh T4 - Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (Có mặt)

7. Lê Văn N (tên gọi khác: Không), sinh năm 1971, tại L, Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H3 và bà Trần Thị N4; có vợ Lê Thị T7 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/9/2020, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt số tiền 50.000.000 đồng về tội "Đánh bạc"; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/10/2018, Bùi Văn H, Nguyễn Ngọc Đ, Bùi Văn K, Phan Văn L, Võ Hải T, Lê Văn N bị bắt quả tang về hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc tại ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Bùi Văn H bị xử phạt hành chính còn Nguyễn Ngọc Đ, Bùi Văn K, Phan Văn L, Võ Hải T bị Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ xử phạt 03 năm tù và phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng về tội đánh bạc, bị can Lê Văn N bị xử phạt 01 năm tù về tội tổ chức đánh bạc theo bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HSST ngày 01/6/2020. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Ngọc Đ, Bùi Văn K, Phan Văn L, Võ Hải T, Lê Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Sau đó, K và Đ gặp và nhờ Bùi Văn H tìm cách xin giảm nhẹ hình phạt khi xét xử phúc thẩm, chuyển hình phạt tù thành được hưởng án treo hoặc phạt

tiền. Lúc này, H liên hệ với Quách Văn M để nhờ Muội giúp "chạy án" cho Đ và Không. Muội nhận lời và ra giá để được giảm án của Không là 120.000.000 đồng và của Đ là 80.000.000 đồng.

Để tạo sự tin tưởng cho H, M đã mời ông Võ Hoàng K2 là Chánh tòa Tòa dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đi ăn cơm cùng với H, nhưng khi đi ăn cơm thì M không có đề cập đến việc xin giảm án như đã thỏa thuận với H.

Vài ngày sau, Bùi Văn K đưa cho H số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H đưa cho M số tiền 100.000.000 đồng tại quán C1 trên đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Sau đó, Phan Văn L, Võ Hải T và Lê Văn N biết Không và Đ đưa tiền để nhờ H chạy án xin giảm nhẹ hình phạt nên đã liên hệ với H giúp, H đặt vấn đề với M thì M đồng ý nhận "Chạy án" với giá 80.000.000 đồng mỗi người.

Huynh nhận trước của Đ, L, N mỗi người 10.000.000 đồng và T 30.000.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục đưa cho H 20.000.000 đồng tại quán cà phê thuộc ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Buổi sáng ngày 12/6/2020, tại một địa điểm trên Quốc Lộ F (không rõ địa điểm cụ thể), H đưa cho Muội 40.000.000 đồng. Sau đó, để tạo sự tin tưởng cho H, M hẹn H giao số tiền còn lại tại trước cổng Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để M đi "chạy án" cho Đ, L, N, T và Không. Đoàn chỉ có 30.000.000 đồng nên mượn của H thêm 40.000.000 đồng để đưa trước, đến khoảng 12 giờ ngày 12/6/2020, trước cổng Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, L, N mỗi người đưa cho H số tiền 70.000.000 đồng, Đ đưa cho H 60.000.000 đồng (Đoàn 30.000.000 đồng và Triều 30.000.000 đồng). H nhận số tiền 280.000.000 đồng đưa cho M và M đi vào Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để hỏi thăm nhờ giúp vụ hình sự thì có gặp ông Võ Hoàng K2, ông K2 trả lời không phụ trách bên hình sự nên không biết. Vì vậy, M không đề cập đến việc xin chạy án cho Đ, L, Không, T và N. Tuy nhiên, sau khi đi ra cổng Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và gặp H thì M nói với H là đã gửi tiền lo cho người ta xong rồi.

Sau đó, H tiếp tục đưa cho M 20.000.000 đồng còn lại tại quán C1 trên đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Tổng cộng, H đã đưa toàn bộ số tiền đã nhận của Đ, L, Không, T và N cho M với tổng số tiền là 440.000.000 đồng. H đã đưa toàn bộ số tiền này cho M để M chạy án nhưng M không thực hiện, số tiền này, M sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử tuyên án:

- Chấp nhận kháng cáo của Lê Văn N: phạt tiền 50.000.000 đồng về tội tổ chức đánh bạc.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Bùi Văn K: xử phạt mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù, phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng về Tội đánh bạc.

- Không chấp nhận kháng cáo của Võ Hải T: xử phạt 03 năm tù. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng về Tội đánh bạc.

Buổi chiều cùng ngày, sau khi có kết quả xét xử không đúng như thỏa thuận, Đ, L, T và K gặp H tại quán cà phê Đất P thuộc khu V, phường V, thành phố V để nói chuyện. Tại đây, H gọi cho M đến và nói là từ trước đến nay H nhờ Muội lo việc chạy án. Để trấn an tinh thần các bị cáo, M nói: "Tòa chỉ tuyên án vậy thôi, vài ngày nữa sẽ có quyết định đình chỉ, mọi người yên tâm".

Đến ngày 20/10/2020, Không, Đ, L nhận quyết định thi hành án phạt tù nên gặp M và H tại một quán cà phê đối diện Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ để nói chuyện, tại đây, M hứa hẹn sẽ trả tiền đã nhận lại cho Đ, L, T, Không. Muội viết giấy nợ cho T số tiền 80.000.000 đồng, H viết giấy nợ cho Lạt tiền 83.000.000 đồng (do trước đó bị cáo L có cho thêm bị cáo H số tiền 3.000.000 đồng).

Ngày 21/10/2020, tại quán C1 trên đường T thuộc phường H, quận N, thành phố Cần Thơ, do không có tiền trả cho H như đã hứa nên M đã viết giấy nợ cho H số tiền 350.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A10S, kiểu máy SM-A7F/DS, số IMEI1 358176107498681, IMEI2 358177107498689 đã qua sử dụng (thu giữ của Quách Văn M).

- 02 (hai) "Giấy xác nhận" đề ngày 21/10/2020 có chữ ký mang tên Quách Văn M, cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- 01 (một) đĩa CD do Bùi Văn H giao nộp có chứa dữ liệu gồm 02 file ghi âm tên "Bản ghi mới 4.m4a" thời lượng 03 phút 59 giây, dung lượng 1,89MB và "Bản ghi mới.m4a" thời lượng 16 phút 13 giây, dung lượng 7,70MB, 01 video tên "19462358125598525 27.mp4" thời lượng 01 phút 33 giây; 09 file ảnh. Cơ quan điều tra đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số 3600/C09B ngày 21/9/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc V Bộ C2 kết luận:

- Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa trong 03 mẫu file cần giám định.

- Nội dung hội thoại trong 03 mẫu file cần giám định đã được giám định và chuyển thành văn bản.

Tại Bản kết luận giám định số 57/KLGĐ-PC09 ngày 15/4/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh H đối với chữ viết và chữ ký mang tên Quách Văn M trên "Giấy xác nhận đề ngày 21/10/2020" kết luận:

- Chữ viết trên "Giấy xác nhận đề ngày 21/10/2020" so với chữ viết trong mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

- Chữ ký (chữ viết tên) Quách Văn M trên Giấy "Giấy xác nhận đề ngày 21/10/2020" so với chữ viết trong mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Ngày 21/10/2020, Quách Văn M trả cho Võ Hải T 80.000.000 đồng.

Ngày 05/11/2020, Quách Văn M trả cho Phan Văn L 30.000.000 đồng.

Ngày 05/11/2020, Bùi Văn H trả cho Phan Văn L 83.000.000 đồng, trả cho Bùi Văn K 120.000.000 đồng và trả cho Nguyễn Ngọc Đ 40.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2023, Bùi Văn T2 (cha của Bùi Văn H) nộp 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2023/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38, điểm s, v khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Quách Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Quách Văn M 07 (bảy) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày từ ngày 07/11/2021 đến ngày 05/04/2022.

Căn cứ vào điểm e, g khoản 2 Điều 365; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Môi giới hối lộ".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 07/11/2021 đến ngày 28/01/2022.

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 364; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Võ Hải T phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt bị cáo Võ Hải T 15 (mười lăm) tháng tù; Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 82/2020/HS-PT ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, buộc bị cáo Võ Hải T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06 tháng 12 năm 2021).

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt bị cáo Phan Văn L 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Võ Hải T phải nộp lại số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để tịch thu sũng quỹ Nhà nước;

Buộc bị cáo Phan Văn L phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để tịch thu sũng quỹ Nhà nước;

Buộc bị cáo Quách Văn M phải nộp lại số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) để tịch thu sũng quỹ Nhà nước;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bị cáo Bùi Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền số 000679 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2023, các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Võ Hải T, Bùi Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/5/2023, các bị cáo Bùi Văn H, Phan Văn L, Lê Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo hoặc chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền.

Ngày 05/5/2023, bị cáo Quách Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, chuyển tội danh từ tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" sang tội "Đưa hối lộ".

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Quách Văn M và Bùi Văn H, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Quách Văn M và Bùi Văn H; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa bị cáo Bùi Văn K là Luật sư Nguyễn Kim Y1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa bị cáo Bùi Văn K là Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh T4 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và chuyển hình phạt từ hình phạt tù sang hình phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Quách Văn M, Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N thừa nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm. Bị cáo Quách Văn M thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mà phạm tội "Đưa hối lộ" và bị cáo chỉ nhận của bị cáo Bùi Văn H số tiền 90.000.000 đồng chứ không phải số tiền như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm quy kết. Đối chiếu lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[3] Đối với các bị cáo Bùi Văn K, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Võ Hải T và Lê Văn N: Trong thời gian vào khoảng tháng 6/2020, sau khi bị Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm và xử phạt tù về tội đánh bạc (Nguyễn Ngọc Đ, Bùi Văn K, Phan Văn L, Võ Hải T) và tội tổ chức đánh bạc (Lê Văn N), các bị cáo Bùi Văn K, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Võ Hải T và Lê Văn N đã có hành vi thông qua người trung gian là bị cáo Bùi Văn H để đưa tiền cho người có chức vụ, quyền hạn tại cấp phúc thẩm nhằm mục đích chuyển từ hình phạt tù thành được hưởng án treo hoặc phạt tiền. Trong đó, bị cáo Bùi Văn K đưa tiền với số tiền là 120.000.000 đồng, các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Võ Hải T và Lê Văn N đưa tiền với số tiền mỗi bị cáo là 80.000.000 đồng.

[4] Như vậy, hành vi của các bị cáo Bùi Văn K, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Võ Hải T và Lê Văn N qua trung gian sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn lợi ích vật chất là tiền để người có chức vụ, quyền hạn làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ là xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng chuyển từ hình phạt tù thành hình phạt tù cho hưởng án treo hoặc phạt tiền đối với các bị cáo đã cấu thành tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại Điều 364 của Bộ luật Hình sự. Với số tiền đưa hối lộ của từng bị cáo chứng minh được như đã kết luận, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn K về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Võ Hải T và Lê Văn N về tội "Đưa hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Đối với bị cáo Quách Văn M: Bị cáo đã có hành vi gian dối bằng việc cho bị cáo H biết mình có mối quan hệ quen biết với người có chức vụ quyền

hạn để lo " chạy án" cho các bị cáo liên quan trong vụ án đánh bạc như bị cáo K, N, L, T, Đoàn tin và giao tiền cho bị cáo, nhưng thực tế sau khi nhận tiền bị cáo giữ và sử dụng. Bị cáo khai tại phiên tòa nhận của bị cáo H tổng cộng 90.00.000 đồng, nhưng đã trả lại cho bị cáo T 80.000.000 đồng và bị cáo L 30.000.000 đồng. Tổng cổng đã trả vượt 110.000.000 đồng là bản thân bị cáo trả thêm tiền lãi chênh lệch 20.000.000 đồng cho L và T. Đối với biên nhận 350.000.000 đồng của bị cáo viết là do bị ép buộc bởi bị cáo H. Lời khai nhận này của bị cáo, không được các bị cáo T, L và H thừa nhận. Qua tranh luận tại phiên tòa cũng không có căn cứ chứng minh. Do vậy, có đủ cơ sở chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo từ việc đưa ra thông tin gian dối và sau đó làm cho bị cáo H tin tưởng giao tài sản, tiếp đến do không thực hiện theo lời hứa trả lại tài sản chiếm đoạt, bản thân bị cáo cùng bị cáo H tố giác hành vi trên đến cơ quan có thẩm quyền xử lý. Do vậy, hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như cấp sở thẩm đã xét xử là có căn cứ.

[6] Đối với bị cáo Bùi Văn H: Trong thời gian vào khoảng tháng 6/2020, khi được các bị cáo Bùi Văn K, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Võ Hải T và Lê Văn N nhờ liên hệ với người có chức vụ, quyền hạn tại cấp phúc thẩm để đưa tiền nhằm mục đích chuyển từ hình phạt tù thành hình phạt tù cho hưởng án treo hoặc phạt tiền, bị cáo Bùi Văn H đã nhận lời, sau đó liên hệ với bị cáo Quách Văn M và nhờ bị cáo M lợi dụng các mối quan hệ quen biết để thực hiện theo yêu cầu của các bị cáo K, L, N, T, Đ. Bị cáo H đã nhận của bị cáo Không 120.000.000 đồng, nhận của các bị cáo L, N, T, Đ mỗi người là 80.000.000 đồng, tổng cộng là 440.000.000 đồng sau đó đưa lại cho bị cáo M.

[7] Như vậy, hành vi của bị cáo Bùi Văn H là người trung gian nhận tiền của các bị cáo K, L, N, T, Đ để đưa cho người có chức vụ, quyền hạn để người có chức vụ, quyền hạn làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ đã cấu thành tội "Môi giới hối lộ" theo quy định tại Điều 365 của Bộ luật Hình sự. Với số tiền đưa hối lộ mà bị cáo H nhận tổng cộng là 440.000.000 đồng và số tiền mỗi lần nhận đều trên 2.000.000 đồng, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Văn H về tội "Môi giới hối lộ" theo quy định tại điểm e, g khoản 2 Điều 365 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[8] Xét kháng cáo của các bị cáo Quách Văn M, Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[9] Bị cáo Quách Văn M, bản thân bị cáo là Đảng viên, có trình độ hiểu biết, có thời gian công tác, phục vụ trong các cơ quan giáo dục, y tế,… so với các bị cáo khác bị cáo nhận thức rõ hành vi khi thực hiện. Bị cáo không thừa nhận tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" chỉ thừa nhận tội "Đưa hối lộ", qua xét

hỏi, tranh luận cũng không có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội "Đưa hối lộ" như bị cáo khai nhận. Tuy nhiên, bị cáo lại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, cấp sơ thẩm nhận định bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi có mức độ là có căn cứ. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 08/3/2021 bị cáo M có đơn yêu cầu và được cơ quan điều tra công an tỉnh H lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đối với hành vi của Bùi Văn H. Đây là sự việc có liên quan đến tội phạm để xem xét xử lý trong cùng vụ án có liên quan đến tội phạm mà bị cáo M bị buộc tội, như kết luận điều tra và cáo trạng mà cấp sơ thẩm đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do vậy, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp phúc thẩm cần thiết áp dụng cho bị cáo. Do bị cáo M có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, v và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[10] Đối với bị cáo Bùi Văn H là người trung gian thực hiện giao nhận tiền. Xuất phát việc làm này từ tình cảm cá nhân, các bị cáo L, N, Đ, Không, T cũng có mối quan hệ quen biết hàng xóm, với mong muốn được giảm án cho người thân của mình, bị cáo cũng không hưởng lợi gì khác. Xét về nhân thân, bị cáo không tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo H xuất phát từ hành vi phạm tội của bị cáo M, cụ thể trước ngày bị cáo M tố giác, vào ngày 03/3/2021 bị cáo H đã làm đơn đơn yêu cầu và được cơ quan điều tra công an tỉnh H lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đối với hành vi của Quách Văn M. Do vậy, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp phúc thẩm cần thiết áp dụng cho bị cáo. Do bị cáo H không có tình tiết tăng nặng, nhưng có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và hoàn cảnh bị cáo đặc biệt khó khăn, hiện tại vợ bị cáo đang mắc bệnh ung thư, bản thân bị cáo trực tiếp chăm sóc; bị cáo đã chủ động và là người trực tiếp trả lại toàn bộ số tiền cho các bị cáo. Đây tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo. Xét bị cáo có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, có nơi làm việc ổn định nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt cải tạo không giam giữ, với sự giám sát của địa

phương cũng đủ răn đe nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội. Bên cạnh đó, do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[11] Các bị cáo Bùi Văn K, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Võ Hải T, Lê Văn N cũng là bị hại trong vụ án, các bị cáo chỉ vì mong muốn được giảm án đã nhận thức sai, dẫn đến hậu quả bị lừa và chiếm đoạt tài sản. Lần phạm tội này xuất phát trong lần bị xét xử về tội "Đánh bạc" trước đó. Hiện tại bị cáo T đang chấp hành hình phạt tù, các bị cáo Không, Đ, L và N đều đã chấp hành xong. Xét về tính chất, hậu quả và mức độ nguy hiểm của xã hội và nguyên nhân phạm tội lần này có mối quan hệ với lần phạm tội đã bị xét xử, qua đó nhận thấy cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo. Số tiền các bị cáo có ý định dùng để "chạy án" thực chất đã bị chiếm đoạt; các bị cáo cũng đã bị xét xử và phải chấp hành hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội. Do vậy, hoạt động đúng đắn của cơ quan xét xử vẫn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Riêng đối vị bị cáo Bùi Văn K cũng đồng thời với bị cáo H, bị cáo M tố giác về hành vi bị chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng đến cơ quan công an điều tra làm rõ trong vụ án này, cụ thể là hành vi bị truy tố xét xử của bị cáo M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do vậy, xét hành vi tố giác của bị cáo K đã tích cực phối hợp, khai báo rõ ra sự việc giúp cơ quan điều tra làm rõ tội phạm, cụ thể là tội phạm của bị cáo M. Do vậy, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp phúc thẩm cần thiết áp dụng cho bị cáo. Do bị cáo Bùi Văn K không có tình tiết tăng nặng, nhưng có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s và điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo có người thân là cha ruột, bà nội, bà ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây tình tiết giảm nhẹ khác tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tự thú" theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo M và H là không phù hợp. Bởi lẽ, việc các bị cáo M và H gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an là tố cáo hành vi phạm tội lẫn nhau giữa hai bị cáo (bị cáo M tố cáo bị cáo H và bị cáo H tố cáo bị cáo M). Cả hai bị cáo đều không tự thừa nhận, khai ra hành vi phạm tội của chính bản thân mình mà xuất phát từ việc tố cáo này cơ quan Công an phát hiện, điều tra làm rõ và xử

lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án nên hành vi của các bị cáo cần được xem xét là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án và áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã phân tích trên.

[14] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Quách Văn M, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Quách Văn M, chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn cho các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N.

[15] Về án phí: Các bị cáo Quách Văn M, Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của các bị cáo được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về kháng cáo:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Quách Văn M; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N.

Sửa bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s, t, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Quách Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Quách Văn M 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2021 đến ngày 05/04/2022.

Căn cứ vào điểm e, g khoản 2 Điều 365; Điều 36, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội "Môi giới hối lộ".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 07/11/2021 đến ngày 28/01/2022 là 83 ngày tạm giam, được quy đổi thành 249 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Bùi Văn H.

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 364; Điều 35, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn K phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn K số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N phạm tội "Đưa hối lộ".

Xử phạt bị cáo Võ Hải T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Phan Văn L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Lê Văn N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Quách Văn M, Bùi Văn H, Bùi Văn K, Võ Hải T, Nguyễn Ngọc Đ, Phan Văn L, Lê Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Về các vấn đề khác:

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Ngân

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (PV06);
- TAND, VKSND, CQĐT, Chi cục THADS TP. V;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: HSVA; THS; VP.